

Bản án số: 103/2021/DS-ST

Ngày 17/12/2021

V/v Tranh chấp

Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đặng Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lan

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ

- *Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Vương Tấn Lập, Thư ký Toà án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.*

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.*

Ngày 17 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 68/2020/TLST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2021/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N

Địa chỉ: 02 L, phường T, quận B, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Cao Tấn Đ, chức vụ: Phó giám đốc phụ trách Ngân hàng N – Chi nhánh huyện Ia G.

Người đại diện theo uỷ quyền lại: Ông Võ Văn S, chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng N – Chi nhánh huyện Ia G (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H (chết ngày 21/12/2020)

Địa chỉ: thôn Văn Y, xã Ia, huyện Ia G, tỉnh G.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ: Ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị H là cha và mẹ của ông Nguyễn Văn H.

Địa chỉ: thôn Văn Y, xã Ia, huyện Ia G, tỉnh G.

(Ông Nguyễn Văn Đ có mặt, bà Nguyễn Thị H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện nguyên đơn trình bày: Ngân hàng N cho ông Nguyễn Văn H vay 180.000.000đ theo hợp đồng tín dụng số 14371217/HĐTD ngày 12/12/2017 để chăm

sóc cây cà phê với thời hạn 24 tháng, lãi suất 11%/năm với phân kỳ trả nợ gốc như sau: Kỳ 1 ngày 12/12/2018 trả 100.000.000đ, kỳ 2 ngày 12/12/2019 trả 80.000.000đ. Trong quá trình thực hiện hợp đồng từ ngày 12/12/2017 đến ngày 10/6/2020 ông H chỉ trả cho Ngân hàng được 8.408.220đ. Đến ngày 13/12/2018 Ngân hàng chuyển toàn bộ số nợ trên thành nợ quá hạn.

Để đảm bảo khoản vay trên, ông Nguyễn Văn H và Ngân hàng lập hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 3482017/HĐTC ngày 11/12/2017 đối với thửa đất số 34, tờ bản đồ số 40, địa chỉ tổ dân phố 6, thị trấn Ia, huyện Ia G.

Tại đơn khởi kiện nguyên đơn đề nghị bị đơn thanh toán tiền gốc 180.000.000đ, tiền lãi trong hạn là 20.356.362đ, lãi quá hạn tính đến ngày xét xử là 75.667.820đ và tiền lãi phát sinh đến khi bị đơn trả xong tất cả các khoản nợ gốc và lãi. Nếu bị đơn không trả nợ đầy đủ thì đề nghị Tòa án xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ.

Tại phiên tòa đại diện Ngân hàng cho rằng ngày 30/11/2021, ông Đ và bà H là cha, mẹ của ông H đã trả được 90.000.000đ tiền nợ gốc nên xin thay đổi nội dung khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn trả số nợ gốc còn lại là 90.000.000đ. Các yêu cầu khác đại diện Ngân hàng không thay đổi.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn Đ là người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng trình bày: Ông và vợ là bà Nguyễn Thị H đã nhận được giấy triệu tập của Tòa án để tham gia tố tụng nhiều lần. Tuy nhiên do bà H bận công việc không đến Tòa tham gia tố tụng được, bà H cũng nhất trí mọi ý kiến của ông tại phiên tòa nhưng không có giấy ủy quyền cho ông. Ông Nguyễn Văn H là con của ông và bà Nguyễn Thị H đã tự tử chết ngày 21/12/2020, ông H chưa có vợ, con nên hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn H chỉ có ông và bà H. Ông H vay tiền và thế chấp tài sản của ông Hà cho Ngân hàng thì ông, bà không biết. Khi ông H chết và được Tòa án triệu tập thì ông, bà mới biết. Di sản duy nhất của ông H để lại là thửa đất số 34, tờ bản đồ số 40, địa chỉ tổ dân phố 6, thị trấn Ia, huyện Ia G đã thế chấp cho Ngân hàng, hiện tại do ông, bà quản lý. Do hoàn cảnh gia đình ông bà rất khó khăn nên chỉ trả cho Ngân hàng được 90.000.000đ tiền nợ gốc ngày 30/11/2021. Số nợ còn lại thì đề nghị Tòa án xử lý tài sản thế chấp của ông H cho Ngân hàng để Ngân hàng thu hồi nợ.

Phát biểu quan điểm, Kiểm sát viên cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án. Về nội dung, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 74; khoản 1 Điều 244; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 và khoản 3 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 288, 317, 318, 319, 323, 463, 466, 500, 501, 502 và Điều 615 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 167 và Điều 168 Luật đất đai năm 2013; Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị H là người thừa kế của bị đơn phải thực hiện nghĩa

vụ cho bị đơn là trả 90.000.000đ tiền gốc, lãi trong hạn còn lại là 20.356.362đ, lãi quá hạn tính đến ngày xét xử là 75.667.820đ, tổng cộng cả gốc và lãi là 276.024.182đ cho Ngân hàng và thực hiện nghĩa vụ chịu án phí, hoàn trả chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật trong phạm vi di sản của bị đơn ông Nguyễn Văn H để lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Ngân hàng N khởi kiện ông Nguyễn Văn H để yêu cầu trả tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng. Ngoài ra Ngân hàng còn yêu cầu Tòa án xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ. Do vậy đây là tranh chấp về Hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình tham gia tố tụng, ngày 21/12/2020 ông Nguyễn Văn H chết tại Ấp 4, xã Đ, huyện B, tỉnh P. Tại các biên bản xác minh thể hiện: ông H có cha, mẹ còn sống là ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị H, ngoài ra ông H không có vợ, con hoặc cha nuôi, mẹ nuôi, con nuôi theo quy định của pháp luật về thừa kế. Do vậy Tòa án xác định và đưa ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị H là cha, mẹ của ông H là những người thừa kế tham gia tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 74 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt mà không có người đại diện tham gia phiên tòa, do vậy việc xét xử vắng mặt bà H là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Hợp đồng tín dụng số 14371217/HĐTD ngày 12/12/2017 có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự 2015 và Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 nên phát sinh các quyền và nghĩa vụ dân sự giữa các bên. Trong quá trình vay, bị đơn chỉ trả lãi cho nguyên đơn được 8.408.220đ tính đến ngày 15/5/2018. Khi đến hạn trả nợ gốc ngày 12/12/2018 bị đơn cũng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi phát sinh cho nguyên đơn là vi phạm về nghĩa vụ trả nợ của bên vay, nên Ngân hàng khởi kiện buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền nợ gốc 180.000.000đ theo hợp đồng tín dụng nói trên là có căn cứ pháp luật. Tuy nhiên ngày 30/11/2021 những người thừa kế của ông H là ông Đ và bà H trả cho Ngân hàng được 90.000.000đ tiền nợ gốc.

Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn thay đổi yêu cầu, chỉ yêu cầu bị đơn trả 90.000.000đ tiền nợ gốc thay vì 180.000.000đ như đơn khởi kiện ban đầu. Xét thấy việc thay đổi này không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận sự thay đổi này.

[3]. Về yêu cầu trả nợ lãi trong hợp đồng tín dụng: Xét sự thỏa thuận về mức lãi suất vay của các bên trong hợp đồng tín dụng nêu trên (lãi trong hạn 11%/năm,

lãi quá hạn = 150% lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng) là phù hợp với quy định của Điều 11 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng và Luật Các tổ chức tín dụng và Bộ luật dân sự. Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn cung cấp bảng tính lãi trong đó có xác định rõ lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả và lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả tương ứng với thời hạn vay và trả nợ là phù hợp với quy định của pháp luật. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 17/12/2021 thì bị đơn còn nợ nguyên đơn lãi trong hạn còn lại là 20.356.362đ, lãi quá hạn tính đến ngày xét xử là 75.667.820đ như đại diện phía nguyên đơn trình bày là phù hợp với quy định của pháp luật về lãi suất.

Như vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn 90.000.000đ tiền gốc, lãi trong hạn còn lại là 20.356.362đ, lãi quá hạn tính đến ngày xét xử là 75.667.820đ, tổng cộng cả gốc và lãi là **276.024.182đ**. Tuy nhiên do bị đơn ông H chết ngày 21/12/2020 nên theo quy định tại khoản 1 Điều 615 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì, *những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*. Ông H chết có để lại di sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đang thế chấp tại Ngân hàng. Do đó ông Đ và bà H có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả số nợ gốc và nợ lãi trên cho Ngân hàng chỉ trong phạm vi di sản của ông H để lại.

[4]. Về việc xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 3482917/HĐTC ngày 11/12/2017 thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền là có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật. Hợp đồng đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng trình tự, thủ tục của pháp luật về giao dịch bảo đảm nên có hiệu lực thực hiện đối với các bên và phải được chủ thể khác tôn trọng. Trường hợp những người thừa kế của ông H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng trong phạm vi di sản, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý toàn bộ tài sản đã thế chấp (bao gồm cả quyền sử dụng đất và toàn bộ các tài sản gắn liền với đất tại thời điểm xử lý) để thu hồi nợ.

[5]. Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, đại diện Ngân hàng đã đã tạm nộp tiền chi phí xem xét và thẩm định tại chỗ hai lần là 8.000.000đ. Số tiền trên đã chi đủ cho công việc thẩm định. Căn cứ vào điều 157 và 158 của Bộ luật tố tụng dân sự, những người thừa kế của ông H có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng 8.000.000đ chỉ trong phạm vi di sản.

[6]. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên những người thừa kế của bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm sơ thẩm là $276.024.182 \times 5\% = 13.801.209\text{đ}$ chỉ trong phạm vi di sản của ông H để lại.

Trả lại cho nguyên đơn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 74; khoản 1 Điều 244; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 và khoản 3 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ các điều 288, 317, 318, 319, 323, 463, 466, 500, 501, 502 và 615 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 167 và Điều 168 Luật đất đai năm 2013;
- Căn cứ Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

2. Buộc những người thừa kế của ông Nguyễn Văn H là ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn H trả cho Ngân hàng N tiền nợ gốc còn lại 90.000.000đ, tiền lãi trong hạn còn lại 20.356.362đ và lãi quá hạn tính đến ngày xét xử là 75.667.820đ, tổng cộng cả gốc và lãi là **276.024.182đ** (hai trăm bảy mươi sáu triệu không trăm hai mươi bốn nghìn một trăm tám mươi hai đồng). Việc thực hiện nghĩa vụ nêu trên chỉ trong phạm vi di sản của ông Nguyễn Văn H để lại.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 17/12/2021) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

3. Trong trường hợp ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị H không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ không đầy đủ thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo thi hành án gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 34, tờ bản đồ số 40, địa chỉ: tổ dân phố 6, thị trấn Ia, huyện Ia Gi theo giấy CNQSD đất số BP 191378 do UBND huyện Ia Grai cấp ngày 16/12/2013, được chính lý sang tên ngày 21/11/2017.

4. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị H phải hoàn trả cho Ngân hàng N **8.000.000đ** (tám triệu đồng). Việc thực hiện nghĩa vụ nêu trên chỉ trong phạm vi di sản của ông Nguyễn Văn H để lại .

5. Về án phí:

- Ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị H phải liên đới chịu **13.801.209đ** (mười ba triệu tám trăm lẻ một nghìn hai trăm lẻ chín đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Việc thực hiện nghĩa vụ nêu trên chỉ trong phạm vi di sản của ông Nguyễn Văn H để lại.

- Hoàn trả cho Ngân hàng N toàn bộ số tiền đã tạm nộp là **5.782.856đ** (năm triệu bảy trăm tám mươi hai nghìn tám trăm năm mươi sáu đồng) theo biên lai thu

số 0006071 ngày 13/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn và ông Nguyễn Văn Đ có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

–

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Lan

Nguyễn Thị Mỹ

Đặng Chí Công